

Bản án số: 34/2024/HNGĐ-ST.

Ngày: 22-7-2024.

V/v: Tranh chấp ly hôn và nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN C, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đức Dũng.

Các Hội thẩm Nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Thay;
- Bà Nguyễn Thị Thanh Bình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Quốc Việt, là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Lê Đại Phụng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 139/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2024 về “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo Quyết Định đưa vụ án ra xét xử số 30/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm 1996; nơi cư trú: Khu A, ấp Long B, xã Long H, huyện Bến L, tỉnh Long An (vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Trần Văn H1, sinh năm 1994; nơi cư trú: Tổ X, ấp Y, xã Suối N, huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18-3-2024 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm T trình bày:

Chị Nguyễn Thị Cẩm T và anh Trần Văn H1 chung sống và đăng ký kết hôn vào ngày 17-01-2022 tại Ủy ban Nhân dân (UBND) xã Suối N, huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh, hôn nhân tự nguyện. Trong quá trình chung sống, vợ chồng không hợp tính tình, bất đồng quan điểm, anh Hà không lo làm ăn, thường xuyên ăn chơi, không lo lắng cho gia đình vợ, con nên vợ chồng thường xuyên cự cãi, gây gổ với

nhau. Chị T và anh H đã sống ly thân từ tháng 9-2023 cho đến nay. Nay tình cảm, hạnh phúc, vợ chồng không còn nên chị T yêu cầu xin ly hôn với anh H.

Về con chung: Có 01 cháu tên Trần Thị Cẩm N2, sinh ngày 05-02-2023 và đang sống với chị T. Nay chị T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Nhung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã triệu tập hợp lệ và tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh Trần Văn H1 nhưng anh H vẫn vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần mà vẫn cố tình vắng mặt không có lý do.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Cẩm T đối với anh Trần Văn H1.

Về con chung: Giao cháu Trần Thị Cẩm N2, sinh ngày 05-02-2023 **cho** chị T **trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận, chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.**

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận công khai tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Cẩm T là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Trần Văn H1 là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh H.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Cẩm T và anh Trần Văn H1 chung sống và đăng ký kết hôn vào ngày 17-01-2022 tại UBND xã Suối N, huyện Tân C, tỉnh

Tây Ninh là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Xét lời khai của chị T, kết quả xác minh tại chính quyền địa phương và gia đình anh H thể hiện, trong thời gian chung sống, chị T và anh H phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ, chồng không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn với nhau về tài chính trong gia đình dẫn đến thường xuyên cự cãi, gây gổ với nhau và hai người đã sống ly thân từ tháng 9-2023 cho đến nay. Xét mâu thuẫn vợ, chồng giữa chị T và anh H trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh H, cho chị T được ly hôn với anh H.

[3] Về con chung: Có 01 cháu tên Trần Thị Cẩm N2, sinh ngày 05-02-2023. Xét cháu N2 đến nay chưa đủ 36 tháng tuổi, đồng thời là cháu gái và đang sống với chị T nên chị T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu N2 là phù hợp, được Hội đồng xét xử chấp nhận. Ghi nhận, chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; các Điều 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Cẩm T đối với anh Trần Văn H1. Chị Nguyễn Thị Cẩm T được ly hôn với anh Trần Văn H1.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Thị Cẩm N2, sinh ngày 05-02-2023 cho chị Nguyễn Thị Cẩm T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận, chị Nguyễn Thị Cẩm T không yêu cầu anh Trần Văn H1 cấp dưỡng nuôi con. Anh Trần Văn H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Cẩm T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Cẩm T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0006016, ngày 21 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi Hành án dân sự huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh; chị Nguyễn Thị Cẩm T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Cẩm T và anh Trần Văn H1 có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân C;
- CC.THADS huyện Tân C;
- UBND xã Suối N;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Lê Đức Dũng